

Bản án số: **53/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/10/2019

*“V/v tranh chấp ly hôn và  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH – TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

*Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Sơn Mút**

**2/ Ông Trần Kim Vinh**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Cao Võ Thanh Sang** – là Thư ký Tòa án thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:*  
(Không thuộc trường hợp phải tham gia phiên tòa)

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa:

*- Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 1989. *(Xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 42/25A, đường P, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

*- Bị đơn:* Anh **Đình Quang D**, sinh năm 1989. *(Xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/10/2019 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị Thanh T trình bày:*

Chị và anh D quen biết, tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/3/2018. Sau khi kết hôn, anh chị cùng sống tại ấp B, xã B. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến do anh D ăn chơi, cá độ mà không chí thú làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhiều lần chị và cha mẹ chồng khuyên can nhưng anh D không thay đổi. Chị thấy không thể tiếp tục sống chung với anh D được nữa nên ngày 03/01/2019 chị đã về Cần Thơ sinh sống và tự lo trang trải kinh tế riêng cho đến nay. Chị nhận thấy chị và anh D không còn hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn nên chị xin được ly hôn với anh Đinh Quang D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung là Phan Thanh Tuệ M<sub>1</sub> và Phan Thanh Tuệ M<sub>2</sub>, cùng sinh ngày 27/7/2019. Hiện nay hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi cháu M<sub>1</sub> và cháu M<sub>2</sub>, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản khai ý kiến ngày 10/9/2019, bản khai ý kiến bổ sung ngày 11/10/2019 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đinh Quang D trình bày:*

Anh và chị T kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Anh và chị T bất đồng ý kiến và thường xuyên gây nhau vì những chuyện xung quanh. Anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là Phan Thanh Tuệ M<sub>1</sub> và Phan Thanh Tuệ M<sub>2</sub>, cùng sinh ngày 27/7/2019. Hiện nay hai con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T được quyền nuôi con là cháu M<sub>1</sub> và cháu M<sub>2</sub>, anh không cấp dưỡng nuôi con, khi nào cần anh sẽ cho con tiền.

Tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Chị Phan Thị Thanh T và anh Đinh Quang D đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2018 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của chị T thì vợ chồng chị thường xuyên bất đồng ý kiến do anh D ăn chơi, cá độ mà không chí thú làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhiều lần chị và cha mẹ chồng khuyên can nhưng anh D không thay đổi, cả hai sống ly thân từ ngày 03/01/2019 đến nay. Theo lời trình bày của anh D thì giữa anh và chị T bất đồng ý kiến và thường xuyên gây nhau vì những chuyện xung quanh.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau và không sống chung với nhau từ ngày 03/01/2019 cho đến nay, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị T và anh D đều có cuộc sống riêng và không thể hàn gắn, chị T xin được ly hôn với anh D, anh D đồng ý ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

[2] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Phan Thanh Tuệ M<sub>1</sub> và Phan Thanh Tuệ M<sub>2</sub>, cùng sinh ngày 27/7/2019. Hiện nay hai cháu đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được quyền nuôi cháu M<sub>1</sub> và M<sub>2</sub>, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T yêu cầu được nuôi con là phù hợp bởi từ khi chị T và anh D sống ly thân với nhau thì cháu M<sub>1</sub> và M<sub>2</sub> do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện nay hai cháu còn quá nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Anh D cũng đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi cháu M<sub>1</sub> và cháu M<sub>2</sub>. Do đó,

Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được trực tiếp nuôi cháu Phan Thanh Tuệ M<sub>1</sub> và Phan Thanh Tuệ M<sub>2</sub>.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên anh D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Thanh T và anh Đinh Quang D.

- Về con chung: Chị Phan Thị Thanh T được trực tiếp nuôi con là Phan Thanh Tuệ M<sub>1</sub> và Phan Thanh Tuệ M<sub>2</sub>, cùng sinh ngày 27/7/2019. Anh D chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu M<sub>1</sub> và cháu M<sub>2</sub> mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Buộc chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009805 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

***Nơi nhận:***

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKS TX. Bình Minh;
- THA TX. Bình Minh;
- UBND xã Đông Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Hải Hằng**